

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/DS-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở
2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên – Thư ký Tòa án của
Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An
tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An,
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2023/TLST – DS
ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5
năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số B ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An. (Có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số F Quốc lộ A, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (vắng
mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 11 năm 2023 và các bảng tự khai
nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An trong quá
trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Kim L trình bày: Ngày
28/12/2020 bà Nguyễn Thị Ánh H có tham gia chơi hụi do bà làm chủ thảo, dây
hụi mở hàng ngày gồm 50 phần, mỗi phần sống đóng 20.000 đồng và phần chết
đóng 24.000 đồng, hụi mãn ngày 29/6/2020. Bà H tham gia 25 phần của dây hụi
này. Bà H hốt hụi đầu được số tiền 25.000.000 đồng, sau đó thì bà H không

đóng lại tiền hụi chết cho bà. Khi hốt hụi bà H có làm giấy xác nhận cho bà với nội dung có nhận tiền hụi của 25 phần hụi và hứa đóng hụi lại mỗi ngày là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng). Nhưng từ khi hốt hụi đến nay, bà H vẫn không đóng hụi chết cho bà.

Ngoài ra, ngày 12/11/2020, bà H vay của bà số tiền 90.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận việc trả lãi, hạn 07 ngày sau sẽ trả. Ngày 06/12/2020 bà H tiếp tục vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận việc trả lãi, hạn đến 20/12/2020 sẽ trả, khi vay bà giao đủ cho bà H số tiền 20.000.000đ, sau đó bà H đưa lại cho bà số tiền 1.000.000đ để trả tiền đã mượn của bà trước đó. Từ khi vay đến nay, bà H không trả cho bà số tiền gốc và lãi nào. Bà đã nhiều lần gọi điện thoại và trực tiếp gặp bà H để yêu cầu bà H trả lại tiền cho bà nhưng bà H tránh mặt và không trả lại tiền cho bà. Tính đến nay bà H còn nợ bà số tiền vay là 110.000.000 đồng.

Như vậy, tính đến nay, bà Nguyễn Thị Ánh H còn nợ bà số tổng số tiền là 135.000.000 đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền nợ hụi là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ vay là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả cho bà số tiền tiền nợ hụi là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ vay là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), tổng số tiền phải trả là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, phương thức trả nợ là trả một lần.

* Tại các bảng tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Bà có chơi hụi nhiều lần các dây hụi do bà Dương Thị Kim L làm chủ hụi và có nợ lại số tiền 90.000.000 đồng, bà có làm giấy nhận nợ cho bà L đối với khoản nợ này, chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ bà L nộp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Bà đã trả hết khoản nợ này cho bà L vào năm 2020, cụ thể từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 mỗi tháng trả 10.000.000đ, khi trả nợ không có làm giấy giao nhận tiền.

Bà có vay của bà L số tiền 20.000.000đ vào năm 2020 như giấy nợ bà L nộp cho Tòa án, nhưng bà L chỉ đưa cho bà số tiền 19.000.000 đồng và trừ lại 1.000.000đ tiền lãi ứng trước theo mức lãi suất là mỗi ngày 10.00đ. Từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021 bà có trả cho bà L số tiền 19.000.00đ, cụ thể: từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021 mỗi tháng trả 5.000.000đ, tháng 4/2021 trả 4.000.00đ, khi trả nợ không có làm giấy giao nhận tiền. Vì vậy số tiền vay 20.000.000 đồng này bà đã trả đủ cho bà L.

Năm 2020 bà có chơi hụi do bà L làm chủ hụi và hốt hụi được số tiền 25.000.000đ, khi hốt hụi bà có viết giấy nhận hụi cho bà L và hứa mỗi ngày đóng 1.100.000 đồng tiền hụi nhưng do quen viết tắt số tiền nên trong giấy nhận hụi ghi số tiền đóng là “1.100”. Số tiền 1.100.000 đồng mỗi ngày là bao gồm tiền hụi bà nhận gom tiền hụi dùm người khác. Bà đã đóng hụi được 01 tuần (7 ngày) được số tiền 4.200.000đ (mỗi ngày đóng 600.000 đồng). Vì vậy bà còn nợ lại số tiền hụi là 20.800.000đ.

Ngoài ra bà có vay của bà L số tiền 20.000.000đ nhưng bà L không khởi kiện trong vụ án này.

Đến nay, bà xác định còn nợ bà Dương Thị Kim L số tiền vay là 20.000.000đ và số tiền hụi là 20.800.000 đồng, tổng cộng là 40.800.000đ. Bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 40.800.000đ.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về nợ hụi: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để xác định bà H có chơi hụi, hốt hụi của bà L số tiền hụi là 25.000.000đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H cho rằng bà đã đóng hụi cho bà L số tiền 4.200.000đ. Vì vậy bà còn nợ bà L số tiền hụi là 20.800.000đ. Xét thấy, bà H không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, bà L cũng không thừa nhận việc bà H có đóng hụi nên lời trình bày của bà H là chưa có cơ sở. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của L về việc yêu cầu bà H trả nợ hụi với số tiền 25.000.000đ.

Về nợ vay: Theo Giấy mượn tiền ngày 06/12/2020: Bà L trình bày: ngày 06/12/2020 bà H có vay của bà số tiền 20.000.000đ, có viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận tiền lãi, hẹn đến 20/12/2020 sẽ trả. Bà giao đủ cho bà H 20.000.000đ, lúc đó bà H đưa lại cho bà 1.000.000đ để trả tiền đã mượn của bà trước đó. Trong thời gian vay tiền bà H không trả cho bà gốc và lãi. Vì vậy, bà H còn nợ bà số tiền vay là 20.000.000đ. Bà H cho rằng bà có vay của bà L số tiền 20.000.000đ vào năm 2020 như giấy nợ bà L nộp cho Tòa án, nhưng bà L chỉ đưa cho bà số tiền 19.000.000đ và trừ lại 1.000.000đ tiền lãi ứng trước theo mức lãi suất là mỗi ngày 10.000đ. Từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021 bà có trả cho bà L số tiền 19.000.000đ, cụ thể từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021 mỗi tháng trả 5.000.000đ, tháng 4/2021 trả 4.000.000đ. Vì vậy, bà đã trả xong số tiền nợ này. Khi trả tiền không có làm biên nhận, không có làm giấy nhận tiền. Xét thấy, Theo giấy nợ này thì bà H có vay bà L 20.000.000đ, thực chất chỉ nhận 19.000.000đ. Bà loan cho rằng bà H trả 1.000.000đ cho khoản nợ trước đó, tuy nhiên bà không có chứng cứ chứng minh 1.000.000đ này bà H trả nợ cho khoản nợ trước đó, lời trình bày của bà L là chưa có cơ sở. Bà H cho rằng đã trả nợ cho

bà L 19.000.000đ nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, bà L cũng không thừa nhận việc bà H có trả tiền cho bà nên lời trình bày của bà H là chưa có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu của L về việc yêu cầu bà H trả nợ vay với số tiền 19.000.000đ. Về tiền lãi: bà L không yêu cầu nên không đề cập đến.

Theo Giấy mượn tiền ngày 12/11/2020: Bà L trình bày: Năm 2020 bà H có vay và chơi hụi do tôi làm chủ hụi nhiều lần và nợ lại số tiền 90.000.000đ. Nên ngày 12/11/2020, bà H viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền 90.000.000đ, hai bên không thỏa thuận tiền lãi, bà H hẹn 01 tuần sau sẽ trả lại cho bà số tiền này. Từ khi viết Giấy xác nhận nợ đến nay, bà H vẫn không trả lại khoản nợ trên cho bà. Vì vậy, bà H vẫn còn nợ bà số tiền 90.000.000đ. Bà H cho rằng bà có chơi hụi nhiều lần các dây hụi do bà Dương Thị Kim L làm chủ hụi và có nợ lại số tiền 90.000.000đ, bà có làm giấy nhận nợ cho bà L đối với khoản nợ này, chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ bà L nộp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Bà đã trả hết khoản nợ này cho bà L vào năm 2020, cụ thể từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 mỗi tháng trả 10.000.000đ. Khi trả tiền không có làm giấy nhận tiền. Xét thấy, bà H cho rằng đã trả nợ cho bà L nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, bà L cũng không thừa nhận việc bà H có trả tiền cho bà nên lời trình bày của bà H là chưa có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của L về việc yêu cầu bà H trả nợ vay với số tiền 90.000.000đ. Về tiền lãi: bà L không yêu cầu nên không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 buộc bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà L được chấp nhận; Bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị Kim L thì bà Nguyễn Thị Ánh H có vay, có tham gia hụi và còn nợ lại bà Dương Thị Kim L số tiền nợ gốc vay và hụi là 135.000.000đ đến nay chưa thanh toán. Do bà Nguyễn Thị Ánh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 15/11/2023 bà Dương Thị Kim L có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ánh H tại Tòa án nhân dân làm phát sinh vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Dương Thị Kim L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bà Nguyễn Thị Ánh H là bị đơn trong vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bà H vẫn không đến Tòa án tham gia phiên toà. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ánh H là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của bà Dương Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả tiền gốc vay là 90.000.00đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Dương Thị Kim L cung cấp Giấy mượn tiền ngày 12/11/2020 và cho rằng chữ ký nhận trong các Giấy mượn tiền là của bà Nguyễn Thị Ánh H. Bà Nguyễn Thị Ánh H xác định có chơi hụi nhiều lần các dây hụi do bà Dương Thị Kim L làm chủ hụi và có nợ lại số tiền 90.000.00đ vào năm 2020 như giấy nợ bà L nộp cho Toà án. Nội dung của Giấy mượn tiền ngày 12/11/2020 thể hiện việc bà Nguyễn Thị Ánh H có vay của bà Dương Thị Kim L số tiền là 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, không thể hiện việc thoả thuận trả lãi. Bà H cho rằng số tiền 90.000.000đ là nợ hụi và bà H đã trả hết phần nợ này cho bà L nhưng bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà nguyên đơn, bị đơn và Giấy mượn tiền ngày 12/11/2020, xác định giữa bà Dương Thị Kim L với bà Nguyễn Thị Ánh H đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản là tiền, bà H có vay của bà L số tiền 90.000.000đ vào ngày 12/11/2020, có thoả thuận thời hạn vay, không thoả thuận việc trả lãi, đến nay bà H còn nợ bà L số tiền vay gốc là 90.000.000đ.

Xét yêu cầu của bà Dương Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả tiền gốc vay là 20.000.00đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Dương Thị Kim L cung cấp Giấy mượn tiền ngày 06/12/2020 và cho rằng chữ ký nhận trong các Giấy mượn tiền là của bà Nguyễn Thị Ánh H. Nội dung của Giấy mượn tiền ngày 06/12/2020 thể hiện việc bà Nguyễn Thị Ánh H có vay của bà Dương Thị Kim L số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 20/12/2020, không thể hiện việc thoả thuận trả lãi. Bà Nguyễn Thị Ánh H xác định có vay của bà L số tiền 20.000.000đ như Giấy mượn tiền bà L cung cấp. Tuy nhiên bà H xác định bà L chỉ giao cho bà H số tiền 19.000.000đ và trừ lại 1.000.000đ tiền lãi. Bà L xác định đã giao đủ cho bà H 20.000.000đ và lúc đó bà H đưa lại cho bà L 1.000.000 đồng để trả tiền đã mượn của bà L trước đó nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là trả nợ cho khoản vay nào. Bà H cho rằng đã trả xong số tiền 19.000.000đ cho bà L nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, trong khi bà L không thừa nhận việc bà H đã trả số tiền 19.000.000đ cho bà L. Vì vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà nguyên đơn, bị đơn và Giấy mượn tiền ngày 06/12/2020, xác định giữa bà Dương Thị Kim L với bà Nguyễn Thị Ánh H đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản là tiền, bà H có vay của bà L số tiền 19.000.000đ vào ngày 06/12/2020, có thoả thuận thời

hạn vay, không thỏa thuận việc trả lãi, đến nay bà H còn nợ bà L số tiền vay gốc là 19.000.000đ.

Do bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên bà L yêu cầu bà H phải thanh toán nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự. Thời điểm xác lập hợp đồng là vào năm 2020 nên áp dụng các quy định của chế định hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay làm cho quyền lợi về tài sản của bà L bị thiệt hại theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ chấp nhận, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc là 109.000.000đ. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà H trả số tiền 1.000.000đ là một phần của khoản vay 20.000.000đ theo Giấy vay tiền ngày 06/12/2020.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Dương Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả số tiền hụi là 25.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để xác định bà H có chơi hụi, hốt hụi của bà L số tiền hụi là 25.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H cho rằng bà đã đóng hụi cho bà L số tiền 4.200.000 đồng nên bà H chỉ còn nợ bà L số tiền hụi là 20.800.000đ. Bà L không thừa nhận sự việc này và xác định bà H vẫn còn nợ số tiền hụi là 25.000.000đ. Bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc mình đã trả số tiền 4.200.000đ cho bà L. Vì vậy, việc bà L xác định bà H nợ số tiền hụi 25.000.000đ và yêu cầu bà H trả số tiền hụi 25.000.000đ là có căn cứ theo Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Về tính lãi: Bà Dương Thị Kim L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả lãi đối với số tiền bà H còn nợ bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét, không đề cập đến.

[3.4] Về phương thức trả nợ: Bà Dương Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả số tiền nợ vay và hụi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Ánh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nếu kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L được pháp luật bảo vệ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà L, Hội đồng xét xử xét chấp nhận theo yêu cầu của bà L, xét buộc bà Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ trả số nợ vay gốc là 110.000.000đ và số tiền nợ hụi là 25.000.000 đồng cho bà Dương Thị Kim L một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc vay và hụi, được Tòa án chấp nhận một phần đối với số tiền 134.000.000đ và không chấp nhận đối với số tiền 1.000.000đ, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận với mức thu là 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Bà Dương Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với mức thu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Ánh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Kim L số tiền nợ gốc vay là 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng) và số tiền nợ hui là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Ánh H về yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H trả số tiền gốc vay là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị Kim L phải chịu án 300.00đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001191 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.075.000đ (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Cẩm Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sở Trịnh Thị Lệ Hoa

Đặng Thị Cẩm Nhung